

Bản án số: 47/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 23 - 8 - 2022

V/v: Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ích Yên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Thanh Hải.
2. Bà Nguyễn Thị Phương Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:

Bà Lê Ngọc Kim Loan – Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 8 năm 2022, tại hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2022 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2022/QĐXX-ST ngày 11 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Hoàng Minh P, sinh năm 1984.

Nơi đăng ký HKTT: Số 642, tổ dân phố A, phường B, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên.

Nơi tạm trú: Số nhà 17, Ngõ 521, đường ADV, Đ, quận B.T, TP. Hà Nội.
(Có mặt)

2. Bị đơn: Chị Trương Thị Minh N, sinh năm 1987.

Nơi đăng ký HKTT: Số 179, tổ dân phố A, phường B, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên.

Chỗ ở hiện nay: Hyogoken - Kobe shi - Hyogoku - Migawa guchi cho - 2 chome - 5 ban 12 -502 go, Nhật Bản. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn anh Hoàng Minh P trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Trương Thị Minh N được tự nguyện tìm hiểu, đến ngày 02/12/2013 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, P (nay là phường B, thành phố P) trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, không bị ai ép buộc và được tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương.

Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại gia đình nhà chồng tại tổ dân phố 2, phường B, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên. Thời gian đầu vợ chồng chung sống vui vẻ, hạnh phúc. Đến năm 2015 chị N đi sang Nhật Bản để làm việc. Thời gian đầu vợ chồng vẫn giữ liên lạc, chị N thỉnh thoảng có trở về Việt Nam, đến cuối năm 2018 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng ở xa nhau, thiếu sự quan tâm chia sẻ đến nhau từ đó bất đồng quan điểm. Hiện nay xác định vợ chồng không còn tình cảm nên anh có nguyện vọng được ly hôn với chị N để ổn định cuộc sống. Anh cũng đã trao đổi với chị N thể hiện quan điểm muốn ly hôn và chị N cũng nhất trí ly hôn. Anh đề nghị Tòa giải quyết cho anh để ổn định cuộc sống.

Về quyền nuôi con chung: Anh P và chị N có 01 con chung là Hoàng Minh A, sinh ngày 04/8/2014, hiện tại cháu Hoàng Minh A đang ở với anh P. Khi ly hôn anh P có nguyện vọng được nuôi cháu A. Về cấp dưỡng anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 25/7/2022 của bị đơn chị Trương Thị Minh N gửi Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, chị N thể hiện quan điểm: Chị xác định về quan hệ hôn nhân phù hợp với lời khai của anh P. Về mâu thuẫn vợ chồng chị xác định trong quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Tháng 10/2016 chị sang Nhật Bản theo yêu cầu của công việc, thời điểm này vợ chồng vẫn giữ liên lạc, trao đổi và cùng chăm sóc con cái, tuy nhiên do quan điểm, suy nghĩ khác biệt, quan hệ tình cảm trở nên xa cách hơn nhưng vì con gái nên bản thân vợ chồng đã cố gắng để hòa hợp, tuy nhiên đến năm 2019 cảm thấy không thể dung hòa, nếu tiếp tục cuộc sống hôn nhân không chỉ làm ảnh hưởng đến mối quan hệ giữa vợ chồng, ảnh hưởng đến sự phát triển, trưởng thành của con gái khi chúng kiến bố mẹ không hòa hợp nên sau một thời gian suy nghĩ kỹ lưỡng và thông báo cho gia đình hai bên, vợ chồng chọn cách chia tay trên quan điểm tôn trọng nhau và cùng đưa ra hướng phù hợp nhất để hỗ trợ nuôi dưỡng con chung. Do vậy đối với việc anh P xin ly hôn chị nhất trí.

Về con chung: Có 01 con như anh P đã khai là đúng. Khi ly hôn vợ chồng thỏa thuận con chung sẽ do chị nuôi dưỡng, chi phí nuôi dưỡng cần phải đóng góp, vợ chồng thỏa thuận riêng. Không đề nghị Tòa án giải quyết về cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Chị N không đề nghị Tòa án giải quyết.

Hiện nay, do chị N đang ở nước ngoài nên chị không thể về Việt Nam trực tiếp giải quyết việc ly hôn với anh P được, chị đề nghị xem xét giải quyết vắng mặt chị trong các buổi làm việc và tại phiên tòa xét xử. Chị ủy quyền cho anh Hoàng Minh P nhận bản án thay cho chị sau khi Tòa xét xử.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Các đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật tại Điều 68, 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh P, cho anh P được ly hôn chị N. Con chung: Giao cháu Hoàng Minh A, sinh ngày 04/8/2014 cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị N do anh P không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung hai bên đều xác định không có nên không giải quyết. Anh P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về chấp hành pháp luật tố tụng: Đây là vụ án ly hôn có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên được quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Do nguyên đơn là người Việt Nam hiện đang làm việc tại Nhật Bản, có địa chỉ cụ thể tại Hyogoken - Kobe shi – Hyogoku – Migawa guchi cho – 2 chome – 5 ban 12 - 502 go, Nhật Bản và quan điểm cá nhân về việc ly hôn của bị đơn gửi về đều có xác nhận của học viện Ngôn ngữ KIJ tại Nhật Bản.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn hiện đang nước ngoài có địa chỉ cụ thể không có mặt tại Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ khoản 2, khoản 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng Dân sự, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được.

Bị đơn đã cung cấp đầy đủ lời khai thể hiện quan điểm cá nhân về việc ly hôn và bị đơn có nguyện vọng đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên căn cứ khoản 1 Điều 228, điểm a khoản 5 Điều 477 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung vụ án: Hôn nhân giữa anh Hoàng Minh P và chị Trương Thị Minh N trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, P (Nay là phường B, thành phố P) là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do trong cuộc sống anh P và chị N thiếu sự chia sẻ, quan tâm đến nhau từ đó vợ chồng không có tiếng nói chung, yêu thương nhau. Hiện anh P xác định tình cảm vợ chồng không còn có nguyện vọng được ly hôn với chị N. Tại bản trình bày quan điểm cá nhân chị N cũng thể hiện cuộc sống vợ chồng không thể dung hòa được, nếu tiếp tục cuộc sống hôn nhân cũng không có hạnh phúc, anh P xin ly hôn chị N cũng hoàn toàn nhất trí.

Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh P và chị N đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Hoàng Minh P, cho anh P được ly hôn với chị N là phù hợp Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam.

[3]. Về con chung: Quá trình giải quyết vụ án anh P và chị N đều xác định vợ chồng có 01 con chung là Hoàng Minh A, sinh ngày 04/8/2014. Khi ly hôn anh P có nguyện vọng được nuôi cháu A, về cấp dưỡng anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị N cũng thể hiện quan điểm vợ chồng có bàn bạc thống nhất cho chị nuôi con chung, tuy nhiên hiện nay do chị N đang ở nước ngoài không thể trực tiếp nuôi dưỡng con chung được do vậy để đảm bảo điều kiện tốt nhất của trẻ khi cha mẹ ly hôn, Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao con chung là cháu Hoàng Minh A, sinh ngày 04/8/2014 cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và phù hợp với nguyện vọng của cháu A tại bản tự khai ngày 02/8/2022. Đảm bảo đúng quy định của pháp luật tại Điều 83; 84 Luật hôn nhân gia đình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh P không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con. Do đó, tạm hoãn việc cấp dưỡng cho chị N.

Chị N có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung và được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác khi các bên đương sự có yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh P xác định không có và không yêu cầu giải quyết. Tại bản trình bày quan điểm chị N cũng thể hiện ý kiến, quan điểm của mình cũng xác định không có tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Các bên đương sự cũng có quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác khi có đủ căn cứ và có yêu cầu.

Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh P phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên là có căn cứ, cần chấp nhận.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ, áp dụng pháp luật:

- Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 2 Điều 38, khoản 4 Điều 147, Điều 207, Khoản 1 Điều 228 và khoản 5 Điều 477 và Điều 479 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, Điều 127 Luật hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Hoàng Minh P đối với chị Trương Thị Minh N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Minh P được ly hôn với chị Trương Thị Minh N.

2. Về quyền nuôi con, cấp dưỡng nuôi con, thăm nom con và thay đổi nuôi con chung:

- *Về quyền nuôi con, cấp dưỡng nuôi con:* Giao cho anh Hoàng Minh P là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Hoàng Minh A, sinh ngày 04/8/2014 cho đến khi cháu Anh đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với chị Trương Thị Minh N, do anh Hoàng Minh P chưa có yêu cầu.

- *Về thăm nom con và thay đổi nuôi con chung:* Chị Trương Thị Minh N là người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, chị Trương Thị Minh N có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Hai bên đương sự tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Hoàng Minh P phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung quỹ nhà nước, được trừ

vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), theo biên lai số 0000131 ngày 28/6/2022 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

5. Thông báo quyền kháng cáo: Phiên tòa xét xử công khai vụ án ly hôn sơ thẩm, có mặt anh Hoàng Minh P. Báo cho anh P biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Vắng mặt chị Trương Thị Minh N, báo cho chị N biết được quyền kháng cáo trong hạn 01 (Một) tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Ích Yên